

Bản án số: 36/2024/DS-ST
Ngày: 28-6-2024
V/v tranh chấp về hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Long Giang;

Ông Nguyễn Văn Độ.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Kiều Vĩnh Phong, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Thái Hoàng Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 77/2024/TLST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2024/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2024/QĐST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng T; địa chỉ: 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Mai Xuân Thọ, sinh năm 1976; nơi cư trú: Số 28, đường Hùng Vương, tổ 13, khu phố 1, phường Mỹ Phước, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng T (văn bản ủy quyền 29-12-2023), vắng mặt có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Quốc T, sinh năm 1968; nơi cư trú: Ấp 3, xã V, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 02 năm 2024, bản tự khai và trong quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng T là ông Thọ trình bày:

Ngày 24-10-2022, ông Nguyễn Quốc T, có ký với Ngân hàng T (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông Nguyễn Quốc T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức ông Nguyễn Quốc T đã thực hiện các giao dịch và các khoản phải thanh toán với tổng số tiền là 118.533.760 đồng. (Thứ tự thanh toán căn cứ theo điều 21 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông Nguyễn Quốc T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 18.475.000 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Nguyễn Quốc T không có thiện chí trả nợ. Do ông Nguyễn Quốc T vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Ngày 15-5-2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 20-02-2024. Ông Nguyễn Quốc T còn nợ các khoản sau: nợ gốc: 71.602.074 đồng; lãi quá hạn: 28.456.686 đồng; tổng cộng: 100.058.760 đồng. Để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng T yêu cầu ông Tuấn phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 24-10-2022 là 100.058.760 đồng (Bằng chữ: một trăm triệu không trăm năm mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi đồng) và lãi phát sinh sau ngày 20-02-224 cho đến khi trả nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Quốc T đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, ông Tuấn không gửi văn bản trình bày ý kiến về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng của Ngân hàng Sacombank và cũng không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông Tuấn.

Tại phiên tòa:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng có đơn xin xét xử vắng mặt đồng thời gửi bảng kê tính lãi khách hàng ông Nguyễn Quốc T đến ngày 28 tháng 6 năm 2024 như sau: Tổng số nợ còn phải thanh toán của ông Nguyễn Quốc T là 112.833.113 đồng, trong đó: nợ gốc là 71.602.074 đồng, nợ lãi trong hạn là 27.487.263 đồng, lãi quá hạn là 13.743.776 đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Quốc T được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

+ Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều từ 26 đến Điều 40 của Bộ luật Tố tụng Dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy

định tại Điều 68 của BLTTDS. Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các Điều từ 93 đến 97 của BLTTDS.

+ Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 của BLTTDS. Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo quy định tại Điều 203 của BLTTDS và thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của Thẩm phán được quy định tại Điều 48 và khoản 2 Điều 203 của BLTTDS.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 63, 239, 243, 249, 258, 260 của BLTTDS. Thư ký tuân theo các Điều 51 và Điều 237 của BLTTDS.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Đối với bị đơn được tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng cũng như tham gia phiên tòa tuy nhiên bị đơn vắng mặt không cung cấp các giấy tờ thể hiện ý kiến của bị đơn. Căn cứ vào những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ việc theo quy định tại Điều 227, 228 của BLTTDS.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ vào các Điều 91, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng đề nghị hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng T khởi kiện ông Nguyễn Quốc T tranh chấp về hợp đồng tín dụng, do đó quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: ông Nguyễn Quốc T có nơi cư trú tại ấp 3, xã V, huyện B, tỉnh Bình Dương, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại các Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng T là ông Thọ có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn ông Nguyễn Quốc T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng

theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 24-10-2022, ông Nguyễn Quốc T được Ngân hàng T cấp thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng là 50.000.000 đồng theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân ngày 17 tháng 01 năm 2022 và điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng Sacombank có hiệu lực. Thông tin loại thẻ tín dụng: JCB Classic. Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông Tuấn đã thực hiện các giao dịch và các khoản thanh toán với tổng số tiền giao dịch: 118.533.760 đồng, Ngân hàng Sacombank đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng, chuyển toàn bộ số nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 28 tháng 6 năm 2024, ông Nguyễn Quốc T còn nợ Ngân hàng Sacombank số tiền 112.833.113 đồng, trong đó: nợ gốc là 71.602.074 đồng, nợ lãi trong hạn là 27.487.263 đồng, lãi quá hạn là 13.743.776 đồng. Quá trình giải quyết vụ án: bị đơn ông Tuấn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng, được xem đã từ bỏ quyền cung cấp tài liệu, chứng cứ, chứng minh và trình bày để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình cũng như không phản đối những tình tiết, sự kiện mà Ngân hàng đưa ra, do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân giữa các bên thể hiện bằng văn bản, nội dung thỏa thuận cụ thể về số tiền được cấp, lãi suất, phương thức trả gốc và lãi, quyền và nghĩa vụ của các bên, tuân thủ quy định về phạm vi hoạt động, lãi suất, các bên có đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung thỏa thuận trong hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, do đó hợp đồng tín dụng có hiệu lực pháp luật theo quy định tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự; các Điều 90, 91 và điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng và phù hợp với Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng.

[2.3] Ông Tuấn vi phạm nghĩa vụ thanh toán, không trả nợ đúng hạn là vi phạm thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng đã giao kết. Tính đến ngày 28-6-2024, Ngân hàng T yêu cầu Tuấn phải thanh toán tổng số tiền là 112.833.113 đồng, trong đó: nợ gốc là 71.602.074 đồng, nợ lãi trong hạn là 27.487.263 đồng, lãi quá hạn là 13.743.776 đồng là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng.

[2.4] Ngân hàng T yêu cầu ông Tuấn trả tiền lãi phát sinh theo Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ cá nhân hiệu lực từ ngày 06-12-2023, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ. Xét, yêu cầu của Ngân hàng là phù hợp nội dung “...*kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách*

hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay” được quy định tại Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ các phân tích nêu trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Nguyên đơn Ngân hàng T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn ông Nguyễn Quốc T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, các Điều 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 117, 295, 298, 299, 301, 317, 318, 319, 320, 323 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Các Điều 90, 91, khoản 2 Điều 95, điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng;

Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016;

Luật Phí và Lệ phí; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng T với bị đơn ông Nguyễn Quốc T về việc tranh chấp về hợp đồng tín dụng.

- Buộc ông Nguyễn Quốc T phải trả cho Ngân hàng T tổng số tiền là 112.833.113 đồng, trong đó: nợ gốc là 71.602.074 đồng, nợ lãi trong hạn là 27.487.263 đồng, lãi quá hạn là 13.743.776 đồng.

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Nguyễn Quốc T phải trả cho Ngân hàng T khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân ngày 24 tháng 10 năm 2022 và điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng Sacombank có hiệu lực ngày 06 tháng 12 năm 2023.

2. Về án phí:

Ngân hàng T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại cho Ngân hàng T 2.501.469 đồng (hai triệu năm trăm lẻ một nghìn bốn trăm sáu mươi chín đồng) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003441 ngày 11 tháng 3 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

Ông Nguyễn Quốc T phải nộp 5.641.654 đồng (năm triệu sáu trăm bốn mươi một nghìn sáu trăm năm mươi bốn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mai